

Số: 721 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái
khóa II, nhiệm kỳ 2022 - 2027**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 208/TTr-SNV ngày 05/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái khóa II, nhiệm kỳ 2022- 2027 thông qua ngày 15/12/2022 (có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công;
- Trung tâm Điều hành thông minh;
- Lưu: VT, VX (Đ/c Thù), NC.

CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

ĐIỀU LỆ

Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái, nhiệm kỳ 2022 - 2027
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 721 /QĐ-UBND ngày 11/5/2023*
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên gọi: Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái.
- Biểu tượng: Hội có biểu tượng theo mẫu biểu tượng của Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ Việt Nam.
- Số điện thoại liên hệ: 0981.551.950

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái (gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của công dân hoạt động với mục đích hỗ trợ các gia đình liệt sỹ trong tỉnh thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước; thu thập thông tin, tìm kiếm hài cốt liệt sỹ; xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin bằng giám định ADN; hỗ trợ các gia đình liệt sỹ có nhiều khó khăn; tham gia nghiên cứu, giám sát và phản biện xã hội về những vấn đề có liên quan tới liệt sỹ và gia đình liệt sỹ; đề xuất với các cơ quan nhà nước về các giải pháp thực hiện chế độ chính sách liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại: Tổ 3 phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điều 4. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động.

- Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Yên Bái, trong lĩnh vực có liên quan đến các liệt sỹ.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

**Chương II
QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ****Điều 6. Quyền hạn của Hội**

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước về giải pháp thực hiện chế độ, chính sách đối với liệt sỹ và gia đình liệt sỹ.
5. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
6. Được gia nhập làm hội viên của Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ Việt Nam.
7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Được thành lập các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ của Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và pháp luật Việt Nam. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng, thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ.

3. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, hội viên của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về mộ, hài cốt liệt sỹ với các cơ quan quản lý nhà nước; Tư vấn trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin đại chúng tới các gia đình liệt sỹ; Tổ chức các hoạt động truyền thông về hoạt động tri ân liệt sỹ

5. Hỗ trợ gia đình liệt sỹ xét nghiệm ADN để xác định danh tính liệt sỹ; Hỗ trợ các gia đình liệt sỹ về tinh thần và vật chất để khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

6. Vận động, quản lý và điều hành Quỹ tri ân liệt sỹ theo hướng dẫn của Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ Việt Nam.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Là công dân Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 Điều này, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng nhiệt tình tham gia các hoạt động và đóng góp xây dựng Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

3. Tiêu chuẩn của hội viên: Là công dân Việt Nam có đủ sức khỏe, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án phạt tù.

Điều 9. Quyền hạn của hội viên

1. Hội viên có quyền đề cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra các tổ chức Hội; được tham dự thảo luận, biểu quyết trong các công việc của Hội.

2. Được cung cấp các thông tin liên quan tới chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với liệt sỹ, gia đình liệt sỹ. Được khuyến khích và tạo điều kiện để phát huy khả năng về mọi mặt liên quan đến lĩnh vực xã Hội về gia đình liệt sỹ.

3. Được Hội hỗ trợ, tạo điều kiện theo khả năng của Hội để tiến hành thu thập thông tin, xác định hài cốt liệt sỹ chưa xác định được danh tính.

4. Được Hội bảo vệ những quyền lợi chính đáng trong việc thực hiện các hoạt động tri ân liệt sỹ và gia đình liệt sỹ theo quy định của pháp luật.

5. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

6. Được Lãnh đạo Hội giao làm nhiệm vụ chuyên trách tại cơ quan Hội và tuyệt đối chấp hành sự phân công của lãnh đạo Hội.

7. Được làm đơn xin ra khỏi Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tiếp tục tham gia Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng Hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Tổ chức, công dân Việt Nam muốn gia nhập Hội, xin ra khỏi Hội phải làm đơn để Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định.

2. Hội viên nếu vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội, không chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội hoặc làm mất uy tín của Hội sẽ bị xoá tên khỏi Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định trình tự, thủ tục gia nhập, xin ra khỏi Hội, xoá tên khỏi Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành

3. Ban Thường vụ

4. Ban Kiểm tra.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể. Đại hội toàn thể được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 2/3 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

1. Cá nhân và tổ chức có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội thì được Hội khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm Điều lệ Hội thì tùy từng mức sẽ bị khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Hội.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật mới có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái gồm 07 Chương, 24 Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái thông qua ngày 15/12/2022 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Yên Bái có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.